

11. A Zhāng lǎoshī B xiǎo Wáng C Wáng lǎoshī
 A 张 老师 B 小 王 C 王 老师
12. A Dàwèi B Lǐ xiānsheng C bù zhīdào
 A 大卫 B 李 先生 C 不 知道
13. A yì nián qián B yì nián duō le C liǎng nián qián
 A 一 年 前 B 一 年 多 了 C 两 年 前
14. A hěn bù xǐhuan B fēicháng xǐhuan C bú tài xǐhuan
 A 很 不 喜 欢 B 非 常 喜 欢 C 不 太 喜 欢
15. A shí nián B bú dào shí nián C shíjǐ nián
 A 十 年 B 不 到 十 年 C 十 几 年

11.

12.

13.

14.

15.